

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án tái định cư chi tiết - Đợt 05
Tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện
dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc
Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 19/6/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định 646/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 3), dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 4), dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (Đợt 7), dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước; Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 9), dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể và giá đất ở theo giá thị trường để tính thu tiền sử dụng đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể và giá đất ở theo giá thị trường để tính thu tiền sử dụng đất đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 2037/UBND-KT ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ đề án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân để thực hiện giao đất tái định cư;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 30/TTr-HĐBTGPMB ngày 17/11/2023 (kèm theo Biên bản họp Hội đồng ngày 17/11/2023 thông qua Phương án tái định cư chi tiết - Đợt 05).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án tái định cư chi tiết - Đợt 05, dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, với các nội dung như sau:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư và tổng số tiền sử dụng đất tái định cư mà các hộ phải nộp:

a) Tổng số diện tích đất ở được giao tái định cư trong đợt này cho 15 hộ là **2.471,7 m²/19** lô đất tái định cư.


b) Tổng giá trị tiền sử dụng đất tái định cư mà các hộ phải nộp: **11.323.000.000** đồng.

Bằng chữ: Mười một tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu đồng.


(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2. Nội dung chi tiết: Theo phương án tái định cư chi tiết - Đợt 05 kèm theo Tờ trình số 30/TTr-HĐBTGPMB ngày 17/11/2023 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng công trình Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K10, K16 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC:
BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ PHẢI NỘP
CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO GPMB - ĐỢT 05

Dự án: Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bồi thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp												
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số	Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)	Tổng cộng
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
a	b	c	1,0	2	3	4	5	6	7	8	9	10=7-9	11	12	13	14={ (9*11)+(10*12) } *13	15 = 14
1	Phan Văn Phú (Vợ: Phạm Thị Sang)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	88,0	A-1	7	TDC1	14	DS12	80,0	Khu TĐC Diêm Vân	80,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	304.000.000	304.000.000
2	Trần Văn Huyện	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	88,0	A-1	3	TDC2	14	DS12	79,2	Khu TĐC Diêm Vân	79,2	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	300.960.000	300.960.000
3	Lưu Đình Sỹ (Vợ: Đỗ Thị Minh Xuân)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	88,0	A-1	6	TDC1	14	DS12	80,0	Khu TĐC Diêm Vân	80,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	304.000.000	304.000.000
4	Hồ Thị Dư	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	88,0	A-1	10	TDC3B	14	DS4	80,0	Khu TĐC Diêm Vân	80,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	304.000.000	304.000.000
5	Trần Thị Biện (chết); Con: Lê Văn Mười (Vợ: Trần Thị Thái)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	152,6	B-2	5	TDC6B	14	DS4	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	380.000.000	380.000.000
6	Lê Văn Trung (vợ: Phan Thị Thành)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	253,7	B-5	1	TDC6B	14	DS4	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	760.000.000	760.000.000
7	Mai Xuân Định (vợ: Lê Thị Mỹ Dung)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	286,3	B-5	21	TDC6A	18	DS5	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	1.120.000.000	1.120.000.000
8	Lê Văn Cao (chết); Vợ: Phạm Thị Trinh	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	291,8	B-5	11	TDC6A	14	DS4	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	760.000.000	760.000.000
9	Mai Thị Tâm - (chồng: Thái Văn Dũng)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	300,0	B-6	22	TDC6A	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	1.120.000.000
					23	TDC6A	18	DS5	100,0	Khu TĐC Diêm Vân	100,0	0,0	5.600.000	13.400.000	1,0	560.000.000	
10	Huỳnh Văn Huy (Vợ: Huỳnh Thị Hồng)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	354,8	B-7	15	TDC12	14	DS7	175,0	Khu TĐC Diêm Vân	175,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	787.500.000	1.120.500.000
					30	OLK1	14	N2	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	90,0	0,0	3.700.000	8.900.000	1,0	333.000.000	
11	Nguyễn Văn Tư (vợ: Nguyễn Thị Sen)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	405,1	B-8	17	TDC12	14	DS7	175,0	Khu TĐC Diêm Vân	175,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	787.500.000	1.291.500.000
					15	OLK5	20	N1	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	90,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	504.000.000	

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở bình thường (m ²)	Thuộc nhóm	Lô đất tái định cư và tiền sử dụng đất phải nộp											Tổng cộng	
					Ký hiệu lô đất	Khu	Đường, lộ giới (m)	Tiếp giáp đường	Diện tích lô đất (m ²)	Địa điểm tái định cư	Diện tích thu tiền (m ²)		Đơn giá nộp tiền sử dụng đất		Hệ số		Giá trị tiền sử dụng đất hộ thực nộp (chưa tính các khoản lệ phí)
											Theo giá đất cụ thể	Theo giá đất thị trường	Giá đất cụ thể	Giá đất thị trường			
12	Phan Văn Nghè (chết); Vợ: Mai Thị Nghen; Con: Phan Văn Út (kê khai)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	452,0	B-9	9	TDC12	14	DS7	175,0	Khu TĐC Diêm Vân	175,0	0,0	4.500.000	10.000.000	1,0	787.500.000	1.407.600.000
					32	TDC4A	18	DS11	97,5	Khu TĐC Diêm Vân	97,5	0,0	5.300.000	12.700.000	1,2	620.100.000	
13	Võ Văn Thành (Vợ: Lê Thị Diên)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	72,8	C-1	27	OLK5	14	N2	90,0	Khu TĐC Quảng Vân	72,8	17,20	3.700.000	8.900.000	1,0	422.440.000	422.440.000
14	Trần Quang (Vợ: Đoàn Thị Sương)	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	161,6	C-3	11	TDC2	14	DS13	160,0	Khu TĐC Diêm Vân	160,0	0,00	3.800.000	9.100.000	1,0	608.000.000	608.000.000
15	Mai Xuân Địa	Thôn Diêm vân, xã Phước Thuận	260,9	C-5	21	TDC6B	18	DS5	200,0	Khu TĐC Diêm Vân	200,0	0,00	5.600.000	13.400.000	1,0	1.120.000.000	1.120.000.000
Tổng cộng			3.343,6						2.471,7		2.454,5	17,2				11.323.000.000	11.323.000.000

Bảng chữ: Mười một tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu đồng./.